



Khái quát lịch sử Tiếng Việt

Lý thuyết văn 10

Lý thuyết Ngữ văn 10: Khái quát lịch sử Tiếng Việt được VnDoc sưu tầm và tổng hợp xin gửi tới bạn đọc cùng tham khảo. Bài viết nhằm giúp ích cho các bạn học sinh cùng quý thầy cô tham khảo để giảng dạy và học tập tốt **Ngữ văn lớp 10**. Mời các bạn cùng tham khảo chi tiết và tải về tài liệu dưới đây.

Bài: Khái quát lịch sử Tiếng Việt

A. Kiến thức bài Khái quát lịch sử Tiếng Việt

I. Lịch sử phát triển của Tiếng Việt

II. Chữ viết tiếng Việt

B. Luyện tập bài Khái quát lịch sử Tiếng Việt

A. Kiến thức bài Khái quát lịch sử Tiếng Việt

I. Lịch sử phát triển của Tiếng Việt

1. Tiếng Việt trong thời kì dựng nước

a. Nguồn gốc Tiếng Việt

- Có nguồn gốc bản địa.
- Thuộc họ ngôn ngữ Nam Á.

b. Quan hệ họ hàng của tiếng Việt

- Tiếng Việt thuộc họ ngôn ngữ Nam Á, dòng Môn- khơ me, nhánh Việt Mường.
- Quan hệ họ hàng tiếng Mường, Khơme, Ba-na, Ca-tu.
- Quan hệ tiếp xúc tiếng Thái, tiếng Hán

2. Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

Tiếng Việt đã vay mượn rất nhiều từ ngữ Hán.

- Chiều hướng chủ đạo: Việt hóa về âm đọc, ý nghĩa và phạm vi sử dụng.

- Các cách thức vay mượn tiếng Hán:

+ Vay mượn trọn vẹn từ Hán, chỉ Việt hóa âm đọc, giữ nguyên ý nghĩa và kết cấu:

VD: tâm, tài, đức, mệnh,...

+ Rút gọn từ Hán:

VD: cử nhân: cử (cụ cử); tú tài: tú (cậu tú); ngư phủ, canh nông, tiểu phu, mục đồng: ngư - tiều - canh - mục, ...

+ Đảo lại vị trí các yếu tố, đổi yếu tố (trong các từ ghép):

VD: Từ Hán - Từ Việt

Thi nhân Nhà thơ

Văn nhân Nhà văn

+ Đổi nghĩa hoặc thu hẹp hay mở rộng nghĩa của từ Hán:

VD: Thủ đoạn (Hán): cơ mưu, tài lược, công cụ, cách thức.

Tiếng Việt: Thủ đoạn- chỉ hành vi mờ ám, độc ác.

Khúc chiết (Hán): khúc khuỷu, ngoằn ngoèo.

Tiếng Việt: diễn đạt gãy gọn, chặt chẽ.

Đáo để (Hán): đến đáy, đến tận cùng (từ Hán).

Tiếng Việt: đánh đá, quá mức.

3. Tiếng Việt dưới thời kì độc lập tự chủ

- Xuất hiện chữ Nôm → Tiếng Việt khẳng định ưu thế ngày càng tinh tế, trong sáng, uyển chuyển, phong phú

4. Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc

- Tiếng Việt vẫn bị chèn ép.

- Nhờ sự thông dụng của chữ quốc ngữ, Tiếng Việt ngày càng tỏ rõ tính năng động.

5. Tiếng Việt từ sau Cách mạng Tháng 8 đến nay

Trở thành ngôn ngữ quốc gia.

→ Phải bảo vệ sự trong sáng, tính giàu đẹp của tiếng Việt, phải nói viết đúng tiếng Việt, chống lạm dụng từ ngữ nước ngoài

II. Chữ viết tiếng Việt

- Theo truyền thuyết và dã sử: người Việt cổ có thứ chữ Viết trông như “đàn nòng nọc đang bơi”.

1. Chữ Nôm

- Xuất hiện cùng với sự du nhập của chữ Hán.

- Là một hệ thống chữ viết ghi âm, dùng chữ Hán hoặc bộ phận chữ Hán được cấu tạo lại để ghi tiếng Việt theo nguyên tắc ghi âm tiết trên cơ sở cách đọc chữ Hán của người Việt.

→ Thành quả văn học lớn nhất của người Việt.

- Nhược điểm: không được chuẩn hoá, muốn đọc chữ Nôm phải thông suốt chữ Hán.

2. Chữ quốc ngữ

- Hình thành từ thế kỉ XVII do các giáo sĩ Phương tây truyền giáo.

- Là thứ chữ ghi âm tiếng Việt dựa vào bộ chữ cái La tinh. Có nhiều ưu điểm như đơn giản, sử dụng chữ cái Latinh, cách viết và cách đọc có sự phù hợp khá cao; thuộc chữ cái → ghép vần → đọc được

- Lúc đầu chỉ sử dụng hạn chế trong các xứ đạo, dần dần được phổ biến. Sau CM T8: Tiếng Việt giành được vị trí xứng đáng trong mọi hoạt động của đất nước.

B. Luyện tập bài Khái quát lịch sử Tiếng Việt

1. Hãy tìm những ví dụ cho các biện pháp Việt hóa từ ngữ Hán được vay mượn đã nêu trong bài

- Việt hóa theo hình thức sao phỏng, dịch nghĩa ra tiếng Việt:

+ Bô lão → người cao tuổi

+ Tiều phu → Người lấy củi

+ Ái quốc → Yêu nước

- Việt hóa theo kiểu rút gọn, đảo vị trí, thay đổi yếu tố:

+ Chính đại quang minh → quang minh chính đại

+ Dương dương tự đắc → tự đắc

+ Đại trượng phu → Trượng phu

+ Dương oai diếu vũ → Diếu vũ dương oai

- Việt hóa mặt âm đọc, còn vay mượn trọn vẹn những mặt khác: nhân, quốc, sơn, hà, học tập, cách mạng...

2. Hãy tìm 3 ví dụ để minh họa cho 3 cách thức đặt thuật ngữ khoa học đã nêu?

+ Phiên âm: glucô, xen lu cô, prôtêin, glu xít, cen ti met...

+ Mượn của tiếng Hán: thiên văn, hải dương, pháp luật, pháp quyền, nhân chủng học....

+ Đặt theo tiếng Việt: viêm màng mắt (viêm giác mạc); chảy máu não (xuất huyết não); ca múa nhạc (ca vũ nhạc)...

Với nội dung bài Khái quát lịch sử Tiếng Việt các bạn học sinh cùng quý thầy cô cần nắm vững kiến thức về lịch sử phát triển của Tiếng Việt, chữ viết được hình thành qua thời gian...

Trên đây VnDoc đã giới thiệu nội dung bài lý thuyết Ngữ văn 10: [Khái quát lịch sử Tiếng Việt](#) cho các bạn tham khảo ý tưởng khi viết bài. Chắc hẳn qua bài viết bạn đọc đã nắm được những ý chính cũng như trau dồi được nội dung kiến thức của bài học rồi đúng không ạ? Bài viết cho chúng ta thấy được lịch sử phát triển của Tiếng Việt, một số bài tập luyện tập về khái quát lịch sử tiếng việt... Hi vọng qua bài viết bạn đọc có thể học tập tốt hơn môn Ngữ văn lớp 10 nhé. Ngoài ra để giúp các bạn có thêm nhiều tài liệu học tập hơn nữa, VnDoc.com mời các bạn có thể xem thêm chuyên mục [Lý thuyết môn Ngữ Văn 10](#), [Soạn văn 10](#), [Tác giả - Tác phẩm Ngữ văn 10](#), [Văn mẫu lớp 10](#), [soạn bài lớp 10](#). Mời các em học sinh, các thầy cô cùng các bậc phụ huynh tham khảo.

Để giúp bạn đọc có thể giải đáp được những thắc mắc và trả lời được những câu hỏi khó trong quá trình học tập. VnDoc.com mời bạn đọc cùng đặt câu hỏi tại mục [hỏi đáp học tập](#) của VnDoc. Chúng tôi sẽ hỗ trợ trả lời giải đáp thắc mắc của các bạn trong thời gian sớm nhất có thể nhé.